TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HSST
Ngày: 27/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn; bà Nguyễn Thị Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2023/TLST-HS, ngày 02 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; Sinh ngày: 24 tháng 11 năm 1991, tại huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1966; Con bà: Hoàng Thị H, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 06/12/2022 Nguyễn Văn T bị Trưởng Công an Quận B ra Quyết định số 337/QĐ-XPHC về hành vi cố ý gây thương tích.

Nhân thân: Năm 2015 bị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử tù có thời hạn 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2023. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Vũ Văn T1; Sinh ngày: 11 tháng 9 năm 1993, tại: xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Y, xã N, huyện V, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn

giáo: Không; Con ông: Vũ Văn C, sinh năm 1968; Con bà: Hoàng Thị N, sinh năm: 1967; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Năm 2017 bị Tòa án huyện V xử phạt 18 tháng tù về tội trộm tài sản (đã chấp hành xong);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013 bị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử 40 tháng tù về tội cướp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Bị hại:

- Ông Trương Minh C1, sinh năm 1977; địa chỉ: TDP L, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Ông Lê Trọng T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Vũ Thế M, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Trịnh Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Nguyễn Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bùi Văn D, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trưa ngày 10/7/2023 bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 36M5 - 3798, nhãn hiệu ZIDAN đi từ nhà đến thị trấn V, huyện V, khi đi đến ngã ba gần cửa hàng xăng dầu T tại thị trấn V, huyện V thì gặp Vũ Văn T1, sau đó T và T1 rủ nhau đi đến huyện C để trộm cắp tài sản. T chở T1 đi theo đường Q đến huyện C. Khi đi đến nhà anh Trương Minh C1 thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, WaveS, BKS: 36B1 - 754.45 để trước cổng nhà và không có người trông coi nên T1 bảo T vòng xe hai vòng đến vị trí cách chiếc xe mô tô khoảng 50m (Năm mươi mét) thì T đứng cảnh giới, còn T1 xuống xe tiến lại gần vặn chìa khóa khởi động xe, rồi điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cùng T đi đến khu vực nghĩa địa ở thị trấn P, huyện C để dấu chiếc xe. Sau đó T và T1 tiếp tục rủ

nhau đi đến huyện T để Trộm cắp tài sản, lúc này T điều khiển xe mô tô chở T1 đi về hướng huyện T. Khi đi đến địa phận xã T, huyện T, T1 nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 36E1-336.56 của gia đình anh Lê Trọng T2 đang dựng ở giữa sân nên T1 bảo T dừng lại đứng ngoài cảnh giới để T1 đi vào sân trộm cắp xe. Khi đi đến vị trí để xe Thuyên nhìn thấy chìa khoá cắm sẵn trên xe, nên T1 dắt xe mô tô ra ngoài đường và khởi động xe chạy về hướng huyện V để đi huyện C. T1 điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi trước, T điều khiển xe đi sau. Khi đi đến khu vực nghĩa địa để xe máy trộm cắp trước đó, thì dấu chiếc máy vừa trộm cắp được của anh Lê Trọng T2 và lấy chiếc xe trộm cắp của anh Trương Minh C1 đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy của anh Vũ Thế M. T1 là người trực tiếp đứng ra giao dịch và bán chiếc xe mô tô cho anh Vũ Thế M với giá là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau đó, T1 đưa cho T 500,000đ (Năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại T1 và T đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Sau đó T chở T1 quay lại khu vực nghĩa địa huyện C để lấy chiếc xe máy trộm cắp được của anh Lê Trọng T2. Sau khi lấy xe Thái và T1 mỗi người đi một xe về huyện V. T đi về nhà còn T1 điều khiển xe mô tô trộm cắp đi đến tỉnh Bắc Ninh và bán cho một người đàn ông lạ mặt tại Thành phố T, tỉnh Bắc Ninh được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Số tiền này T1 đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 12/07/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu sơn Đ - bạc - đen, BKS: 36B1-754.45 trị giá: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HDDGTS ngày 21/07/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) chiếc mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng - đen - bạc, BKS: 36E1-336.56 trị giá: 9.333.000đ (Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Về dân sự:

Anh Vũ Thế M đã được gia đình bị cáo Nguyễn Văn T khắc phục số tiền mua xe mô tô với bị cáo T và bị cáo T1 nên không có yêu cầu đề nghị gì;

Anh Trương Minh C1 đã nhận lại xe mô tô nên không có yêu cầu đề nghị gì.

Anh Lê Trọng T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo giá trị chiếc xe mô tô bị trộm cắp;

Về vật chứng:

Ngày 12/7/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số: 26/QD-CSĐT, quyết định trả lại tài sản là 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu sơn Đ - bạc - đen, BKS: 36BL-754.45 và 01 (một)

đăng ký xe mô tô mang tên Trương Minh C1 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trương Minh C1;

Ngày 15/07/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng số 26A/QĐ-CSĐT, Quyết định trả lại tài sản là 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu ZIDAN, màu nâu, BKS 36M5-3798, SM: 0FMG5A120428, SK: G5MN5B120428 và 01 (một) đăng ký xe mô tô số 0102647 mang tên Hoàng Văn B cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn S;

Ngày 22/09/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-CSĐT, Quyết định trả lại tài sản là: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Văn D.

Đối với anh Vũ Thế M là người mua xe mô tô với bị cáo Nguyễn Văn T và Vũ Văn T1, tuy nhiên khi mua xe anh M không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý anh Vũ Thế M về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu ZIDAN, màu nâu, BKS 36M5-3798 được các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn S, bị cáo T và bị cáo T1 sử dụng xe để đi trộm cắp thì anh S không biết. Do đó, không có cở sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh S.

Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 36E1-336.56 do bị cáo Vũ Văn T1 bán cho một người lạ mặt, không rõ tên tuổi, địa chỉ ở Thành phố T, tỉnh Bắc Ninh hiện Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác định về đối tượng này.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSCT, ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ đã quyết định truy tố: Nguyễn Văn T, Vũ Văn T1 về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T) (điểm h điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T1), Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự lên mức án đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng tù và Vũ Văn T1 từ 15 đến 20 tháng tù.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo T và bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Trọng T2 giá trị xe mô tô là 9.333.000đ.

Về án phí: Các bị cáo T và T1 phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng. Lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và nội dung cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 10/7/2023, tại TDP L, thị trấn P, huyện C Nguyễn Văn T và Vũ Văn T1 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, WaveS, BKS: 36B1 - 754.45, trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng) của gia đình anh Trương Minh C1; sau đó Nguyễn Văn T và Vũ Văn T1 tiếp tục đến thôn Đ, xã T, huyện T lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 36E1-336.56 của gia đình anh Lê Trọng T2, trị giá 9.333.000đ (Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 17.333.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát huyện C truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sở hữu hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình trong nhân dân. Do đó, phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T1 cùng rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc, phân công tổ chức từ trước, do đó đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Nguyễn Văn T là người khởi xướng, là người rủ T1 đi trộm cắp đồng thời cũng là người giúp sức, là người điều khiển xe, ở ngoài cảnh giới cho T1 thực hiện hành vi phạm tội, do đó Nguyễn Văn

T có vai trò cao hơn. Bị cáo Vũ Văn T1 là người thực hành tích cực do đó có vai trò sau bị cáo T.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo T và T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 phải chịu 02 tình tiết tăng năng là Tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo T1 còn chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm, nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Do đó, khi lên mức hình phạt cần phải xem xét một cách toàn diện, tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để từ đó lên một mức án phù hợp, tương xứng và cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo biết ăn năn hối cải, rèn luyện thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về dân sự: Buộc bị cáo T và bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Lê Trọng T2 số tiền 9.333.000đ. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.666.500đ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T) (điểm h điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T1), Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Điều 331, Điều 333, Điều 30 luật tố tụng Hình sự. Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm b khoản 1 điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T; Bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2023. Bị cáo Vũ Văn T1 17 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2023.

Về dân sự: Bị cáo T và bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Trọng T2 giá trị xe mô tô trộm cắp là 9.333.000đ, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.666.500đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Trọng T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không tự nguyện bồi thường số tiền trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Vũ Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Minh C1, anh Lê Trọng T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Cẩm Thủy;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- P7. VKS tỉnh Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ CA huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Dung